TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS - ST
Ngày: 28 – 9 – 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đức Bản

Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST-DS ngày 12/9/20224, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M1 (M1) - kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty C (GalaxyDT); địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Tổng giám đốc; người được ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ - Công ty Cổ phần M1; người được ủy quyền lại: Ông Đào Tùng L – Chuyên viên xử lý nợ Công ty Cổ phần M1 (Jupiter); địa chỉ: Số A T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Bá Q, sinh năm 1987 và chị Trần Thị H, sinh năm 1994; cùng đăng ký tạm trú tại: Tổ dân phố B, phường B, TP ., tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo:

Ngõ F đường P, nhóm G, tổ dân phố B, phường B, TP ., tỉnh Quảng Bình. Anh Q, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH C (GalaxyDT); địa chỉ: Tầng E khối E, tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T1 – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức L1 - Phó giám đốc (theo văn bản ủy quyền số: 01/2023/GUQ-GLX DT ngày 25/10/2023); người được ủy quyền lại: Ông Đào Tùng L – Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH C (GalaxyDT); địa chỉ: Số A T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Về việc mua bán nợ giữa các cơ quan: Ngày 30/06/2023, Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Ngày 27/5/2024 Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới và đã được Tòa án thụ lý, giải quyết. Quá trình giải quyết, tại biên bản về việc tiếp cận công khai chứng cứ ngày 09/8/2024, Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã cung cấp Hợp đồng mua bán nợ ngày giữa Công ty TNHH C (GalaxyDT) với Công ty cổ phần M1, với nội dung:

Ngày 12/7/2024 Công ty TNHH C (GalaxyDT) và Công ty cổ phần M1 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục 02 Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ký hiệu: 38/PL02/HĐ09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ngày 29/7/2024, Theo đó, Công ty TNHH C (GalaxyDT) đồng ý bán và Công ty cổ phần M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H đã ký kết với V2.

Về nội dung khởi kiện: Công ty TNHH C (GalaxyDT) và Công ty cổ phần M1 thừa nhận việc khởi kiện như sau:

- Tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019 vay tại V2:Số tiền vay: 145.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; các kỳ hạn trả nợ: Lãi trả và gốc vào ngày mồng 19 hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô; lãi suất trong hạn: 8,9%/năm. Lãi suất này cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 22/07/2019. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03

tháng/01 lần vào các ngày 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh và kỳ điều chỉnh được quy định trong hợp đồng cho vay và các văn kiện tín dụng đã ký kết. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn; phạt chậm trả lãi: Theo quy định trong hợp đồng cho vay.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô KENBO, số khung 01BJJDD00245, số máy 13AJ07L60023, biển kiểm soát: 36D-014.43, thuộc sở hữu của ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H, theo giấy đăng ký xe ô tô số 072446 do công an tỉnh T cấp ngày 03/07/2019. Thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; số tiền cho vay: 80.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; phương thức trả nợ: Niên kim đều; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Theo quy định của V2. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/06/2019. Số tiền cho vay: 60.000.000 đồng. Đã giải ngân: 35.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; phương thức trả nợ: Niên kim đều; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Theo quy định của V2. Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15/02/2022 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, tính đến ngày 28/9/2024, anh Lê Bá Q và chị Trần Thị H còn nợ số tiền cụ thể là:

STT	Số HĐTD	Ngày nhận tiền	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng lãi	Tổng gốc+ lãi trong hạn+lãi quá hạn
1	LN1906261488431/NLY/HĐTC	22/07/2019	78.129.666	-	46.997.079	6.693.163	53.690.242	131.819.908
2	Hợp đồng ngày 11/06/2019	17/09/2018	27.395.082	-	40.800.771	5.355.862	46.156.633	73.551.715
3	Hợp đồng ngày 12/09/2018	24/06/2019	39.489.638	1.143.991	61.745.540	9.750.630	72.640.161	112.129.799
Tổng cộng			**145.014.386**	**1.143.991**	**149.543.390**	**21.799.655**	**172.487.036**	**317.501.422**

Tổng số tiền anh Q, chị H còn nợ công ty Cổ phần M1 (J) là: 317.501.422 đồng, trong đó số tiền gốc: 145.014.386 đồng; lãi trong hạn: 1.143.991 đồng; lãi quá hạn: 149.543.390 đồng; lãi chậm trả: 21.799.655 đồng.

Công ty Cổ phần M1 (M1) đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

a) Đề nghị Tòa án buộc ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 (J) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các

khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tính đến ngày 28/9/2024, tổng số tiền anh Lê Bá Q và chị Trần Thị H còn nợ là: 317.501.422 đồng, trong đó số tiền gốc: 145.014.386 đồng; lãi trong hạn: 1.143.991 đồng; lãi quá hạn: 149.543.390 đồng; lãi chậm trả: 21.799.655 đồng.

b) Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter).

c) Trường hợp ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H không trả được nợ thì Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty, cụ thể như sau: Xe ô tô KENBO, số khung 01BJJDD00245, số máy 13AJ07L60023, biển kiểm soát: 36D- 014.43, thuộc sở hữu của ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H, theo giấy đăng ký xe ô tô số 072446 do công an tỉnh T cấp ngày 03/07/2019. Thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

** Ý kiến của bị đơn tại bản tự khai; phiên hòa giải trình bày như sau:* Ngày 22/7/2019 anh Lê Bá Q và chị Trần Thị H có ký Hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 (goi tắt là V2) gồm: Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019 vay tại V2: Số tiền vay: 145.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô; lãi suất trong hạn: 8,9%/năm. Lãi suất này cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 22/07/2019

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô KENBO, số khung 01BJJDD00245, số máy 13AJ07L60023, biển kiểm soát: 36D-014.43, thuộc sở hữu của ông Lê Bá Q và bà Trần Thị H, theo giấy đăng ký xe ô tô số 072446 do công an tỉnh T cấp ngày 03/07/2019. Thế chấp theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; số tiền cho vay: 80,000,000 đồng (T2 mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng; phương thức trả nợ: Niên kim đều; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Theo quy định của V2. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/06/2019. Số tiền cho vay: 60.000.000 đồng. Đã giải ngân: 35.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; phương thức trả nợ: Niên kim đều; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Theo quy định của V2. Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh chị thời gian đầu vẫn trả đúng theo quy định tại hợp đồng đã ký, tuy nhiên thời gian sau do kinh tế khó khăn, công việc không ổn định, con cái đau ốm thường xuyên nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15/02/2022 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, hiện tại anh chị còn nợ V2 số tiền tạm tính đến ngày 09/8/2024 là: Nợ gốc:145.014.386 đồng; nợ lãi: 162.161.488 đồng; tổng cộng: 307.175.874 đồng. Tại phiên hòa giải vợ chồng anh chị xin đến ngày 30/10/2024 sẽ trả cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả đúng hạn thì anh chị sẽ bàn giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý nợ. Ý kiến của đại diện công ty không đồng ý, nên buổi hòa giải không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ tại phương B, thành phố Đ nên Tòa án thành phố Đ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

* Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116; 119; 317; 320; 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H phải trả cho Công ty cổ phần M1 (J) số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/9/2024 là: 317.501.422 đồng, trong đó số tiền gốc: 145.014.386 đồng; lãi trong hạn: 1.143.991 đồng; lãi quá hạn: 149.543.390 đồng; lãi chậm trả: 21.799.655 đồng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Công ty Cổ phần M1 (M1) được quyền yêu cầu

cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm gồm: 01 Xe ô tô, nhãn hiệu KENBO; số khung: 01BJJĐ00245; số máy: 13AJ07L60023; màu sơn: xanh mang BKS số: 36D-014.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072446 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 03/7/2019 cho anh Lê Bá Q. Việc thế chấp đã được anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H và Ngân hàng TMCP V1 – chi nhánh Q1 ký Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/7/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Án phí các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký thường trú của bị đơn: Anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H cư trú tại: Ngõ F đường P, nhóm G, tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH C khởi kiện yêu cầu anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/6/2019 nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Vì vậy, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và anh Q, chị H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: Ngày 30/06/2023, Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Ngày 27/5/2024 Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Ngày 09/8/2024, Công ty TNHH C (GalaxyDT) đã cung cấp Hợp đồng mua bán nợ ngày giữa Công ty TNHH C (GalaxyDT) với Công ty cổ phần M1 vào ngày 12/7/2024 Công ty TNHH C (GalaxyDT) và Công ty cổ phần M1 đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục 02 Hợp đồng mua bán nợ số

09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ký hiệu: 38/PL02/HĐ09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ngày 29/7/2024. Ngày 12/8/2024, Tòa án đã ra thông báo về việc xác định tư cách tố tụng số 07/TB-TA và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới cùng các đương sự. Việc chuyển giao quyền yêu cầu giữa Công ty TNHH C (GalaxyDT) với Công ty cổ phần M1 là tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C (GalaxyDT). Đối với Công ty TNHH C (GalaxyDT) được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi về việc nộp tạm ứng án phí khởi kiện tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối bị đơn anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H quá trình giải quyết vụ án anh chị đã đến Tòa án làm bản tự khai; tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ; phiên hòa giải nhưng hòa giải không thành. Phiên hòa giải sau đó Bị đơn đều vắng mặt; bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt các buổi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét các Hợp đồng tín dụng.

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP V1 (V3) các hợp đồng gồm:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019 vay tại V2:Số tiền vay: 145.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; các kỳ hạn trả nợ: Lãi trả và gốc vào ngày mồng 19 hàng tháng. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô; lãi suất trong hạn: 8,9%/năm. Lãi suất này cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 22/07/2019. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn; phạt chậm trả lãi: Theo quy định trong hợp đồng cho vay.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; số tiền cho vay: 80.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Mua đồ gia dụng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/06/2019. Số tiền cho vay: 60.000.000 đồng. Đã giải ngân: 35.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng.

Xét hợp các đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Trên cơ sở các Hợp đồng tín dụng, V2 đã giải ngân cho anh Q, chị H vay số tiền gốc của hai hợp đồng tín dụng với tổng cộng số tiền là 145.000.000 đồng và 115.000.000 đồng trong thẻ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh, chị đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc của các hợp đồng tín dụng trên là 114.985.614 đồng; số tiền lãi là 144.117.673 đồng.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và các khoản vay tín chấp đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay nguyên đơn cung cấp thì trong quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, anh Q, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 17/02/2022; Hợp đồng ngày 12/9/2018 ngày vi phạm 15/02/2022; Hợp đồng ngày 11/6/2019 ngày vi phạm 13/3/2022 đối với V2 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khoản vay tín chấp. Ngân hàng V2 và Công ty Cổ phần M2 đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh Q, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến nay, anh, chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho V2, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng.

[3] Về khoản nợ gốc: Theo Hợp đồng và các tài liệu chứng cứ cũng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì số tiền gốc mà V2 đã giải ngân cho anh Q, chị H số tiền là 145.000.000 đồng và 115.000.000 đồng trong thẻ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được số tiền gốc của hợp đồng LN1906261488431/NLY/HĐTC là 66.870.334 đồng, số tiền lãi là 32.244.419 đồng; số tiền gốc của hợp đồng khoản vay tín chấp ngày 11/6/2019 là 7.604.918 đồng, số tiền lãi là 33.386.968 đồng; số tiền gốc của hợp đồng khoản vay tín chấp ngày 12/9/2018 là 40.510.362, số tiền lãi là 78.486.286 đồng.

Vì vậy, cần buộc anh Q, chị H phải trả cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) số tiền gốc còn lại là 145.014.386 đồng (bao gồm: nợ gốc hợp đồng tín dụng số LN1906261488431/NLY/HĐTC là 78.129.666 đồng; nợ gốc khoản vay tín chấp ngày 12/9/2018 là 39.489.638 đồng; nợ gốc khoản vay tín chấp ngày 11/6/2019 là 27.395.082 đồng).

[4] Về lãi suất: Tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và các khoản vay tín chấp, các bên thỏa thuận lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng cho vay kiêm thế chấp là 8,9%/năm; khoản vay tín chấp ngày 12/9/2018 lãi suất 38%/năm; khoản vay tín chấp ngày 11/6/2019 là 39%/năm. Lãi suất quá hạn của các hợp đồng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận.

[4.1] Về lãi trong hạn: Việc thỏa thuận lãi suất là phù hợp quy định của pháp luật nên yêu cầu về lãi trong hạn của Ngân hàng được chấp nhận. Tính đến ngày 28/9/2024, khoản nợ lãi trong hạn của các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết buộc anh Q, chị H phải trả cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) 1.143.991 đồng tiền lãi trong hạn của hợp đồng ngày 12/9/2018.

[4.2] Về lãi quá hạn: Tại hợp đồng tín dụng có quy định về lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận. Buộc anh Q, chị H phải trả Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) số tiền lãi quá hạn là 149.543.390 đồng (bao gồm: nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/7/20219 là 46.997.079 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay tín chấp ngày 12/9/2018 là 61.754.540 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay tín chấp ngày 11/6/2019 là 40.800.771 đồng).

[4.3] Về tiền phạt chậm trả: Tại điểm g khoản 7 Điều 2 của hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô và các khoản vay tín chấp có thỏa thuận: "Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên cần được chấp nhận. Buộc anh Q, chị H phải trả cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) số tiền phạt chậm trả lãi là 21.799.655 đồng (bao gồm: nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng số LN1906261488431/NLY/HĐTC là 6.693.163 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay tín chấp ngày 12/9/2018 là 9.750.630 đồng; nợ lãi quá hạn của khoản vay tín chấp ngày 11/6/2019 là 5.355.862 đồng).

Ngoài ra, anh Q, chị H còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Vì vậy, Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) khởi kiện anh Q, chị H ra Tòa án yêu cầu thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay trên anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H đã thế chấp tài sản gồm: 01 Xe ô tô, nhãn hiệu KENBO; số khung: 01BJJĐ00245; số máy: 13AJ07L60023; màu sơn: xanh mang BKS số: 36D-014.43 theo Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 072446 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 03/7/2019 cho anh Lê Bá Q. Việc thế chấp đã được anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H và Ngân hàng TMCP V1 – chi nhánh Q1 ký Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/7/2019 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 22/7/2019.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên đều là tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với các quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên được xác định là hợp pháp. Nên anh Q, chị H ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì anh, chị phải có trách nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 (Jupiter): Trường hợp anh Q, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) được quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của anh Q, chị H đang thế chấp theo hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 củaNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủ banthường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sửdụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ngân hàng để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty TNHH M2 (GalaxyDT) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 116; Điều 119; Điều 317; Điều 320; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;

- Căn cứ Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ tại Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần M1 (M1).

1.1. Buộc anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H phải trả cho Công ty cổ phần M1 (J) số nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng: theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/6/2019; tổng dư nợ tính đến ngày 28/9/2024 là: 317.501.422 đồng, trong đó số tiền gốc: 145.014.386 đồng; lãi trong hạn: 1.143.991 đồng; lãi quá hạn: 149.543.390 đồng; lãi chậm trả: 21.799.655 đồng.

1.2. Kể từ ngày 29/9/2024, anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H còn phải trả cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter) tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại các Hợp đồng tín dụng gồm: theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/07/2019; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 12/09/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/6/2019 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) và anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần M1 (Jupiter).

1.3. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì Công ty Cổ phần M1 (M1) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm gồm: 01 Xe ô tô, nhãn hiệu KENBO; số khung: 01BJJĐ00245; số máy: 13AJ07L60023; màu sơn: xanh mang BKS số: 36D-014.43 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 072446 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 03/7/2019 cho anh Lê Bá Q. Việc thế chấp đã được anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H

và Ngân hàng TMCP V1 – chi nhánh Q1 ký Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1906261488431/NLY/HĐTC ngày 22/7/2019 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 22/7/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Khi anh Q, chị H tất toán hết toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty Cổ phần M1 (M1) phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn anh Lê Bá Q, chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 15.875.071 đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH M2 (G) số tiền tạm ứng án phí 6.309.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001241 ngày 12/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2024). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TOÀ

(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Thị V **Dương Thị Hồng Liên** **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**